

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12-4-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Vượng.

2. Ông Ma Quốc Thế.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Nịnh Thị N** – Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Trần Văn H** – Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị Nương vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 07 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng chị N, anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Chị N xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N và anh H ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh H có 02 con chung.

- Cháu Trần Thị G – Sinh ngày: 13/12/2011.

- Cháu Trần Thị Y – Sinh ngày: 02/02/2015.

Chị N có quan điểm sau khi ly hôn, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G và cháu Y đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Ninh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì đáng kể. Đầu năm 2021, chị N cùng các con chung chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị N tại thôn Hữu Lộc, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và vợ chồng anh H, chị N cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa nghiêm trọng, vẫn có thể hòa giải, hàn gắn được nên không nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh H và chị N có 02 con chung.

- Cháu Trần Thị G – Sinh ngày: 13/12/2011.

- Cháu Trần Thị Y – Sinh ngày: 02/02/2015.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh H, chị N ly hôn thì anh H có quan điểm giao cháu G và cháu Y cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi có đủ điều kiện nuôi con, anh H sẽ yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau. Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của chị Ninh Thị N đối với anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Thị G – Sinh ngày: 13/12/2011 và cháu Trần Thị Y – Sinh ngày: 02/02/2015 cho chị Ninh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 12/4/2022.

Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi

cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phần đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị Ninh Thị N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H và giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn nên đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2021 cho đến nay.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh H là có căn cứ.

Do mâu thuẫn đã kéo dài, vợ chồng ly thân với nhau đã lâu nhưng anh H và chị N cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận quan điểm không ly hôn của anh H về quan hệ hôn nhân.

**[3] Về con chung:** Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh H có 02 con chung.

- Cháu Trần Thị G – Sinh ngày: 13/12/2011.

- Cháu Trần Thị Y – Sinh ngày: 02/02/2015.

Chị Ninh Thị N có nguyện vọng, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G và cháu Y đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn H có nguyện vọng, trong trường hợp phải ly hôn thì anh H nhất trí giao cháu G và cháu Y cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi có đủ điều kiện nuôi con, anh H sẽ yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau vì hiện tại, anh H đang phải đi làm ăn xa, chưa có điều kiện nuôi dưỡng con cái.

HĐXX nhận thấy: Cháu Trần Thị G và cháu Trần Thị Y đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Chị N có nơi cư trú rõ ràng. Từ khi vợ chồng ly thân với nhau, các cháu ở cùng với chị N, chị N vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu ăn học đầy đủ nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho các cháu. Cháu G và cháu Y đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ là chị N. Nguyện vọng của cháu G và cháu Y cũng phù hợp với nguyện vọng của chị N, anh H.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H về việc nuôi con chung. Giao cháu Trần Thị G và cháu Trần Thị Y cho chị Ninh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**[4] Về tài sản chung và công nợ:** Chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Ninh Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Quyền kháng cáo:** Chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của chị Ninh Thị N đối với anh Trần Văn H.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H ly hôn.

**3. Về con chung:** Giao cháu Trần Thị G – Sinh ngày: 13/12/2011 và cháu Trần Thị Y – Sinh ngày: 02/02/2015 cho chị Ninh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 12/4/2022.

Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

**4. Về án phí:** Chị Trần Thị Nội phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2021/0001884 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (*Chị Ninh Thị N đã nộp đủ tiền án phí*).

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Ninh Thị N và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**